TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH THUẬN** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 83/2017/QĐST-HNGĐ Về việc ly hôn và nuôi con	*Vĩnh Thuận, ngày 07 tháng 8 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 90/2017/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2017, giữa:

* *Nguyên đơn*: Chị Lử Thị Hồng N, sinh năm 1984; địa chỉ: ấp K, xã X, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

* *Bị đơn*: Anh Phạm Văn H, sinh năm 1977; địa chỉ: ấp K, xã X, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

Căn cứ Điều 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 28 tháng 7 năm 2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 7 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lử Thị Hồng N, sinh năm 1984 và anh Phạm Văn H, sinh năm 1977, cùng địa chỉ: ấp K, xã X, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

[1] Về con chung: Chị Lử Thị Hồng N và anh Phạm Văn H có 02 người con chung là Phạm Quốc B, sinh ngày 13/10/2005, giới tính nam và Phạm Thị Trâm A, sinh ngày 09/11/2012, giới tính nữ; cả hai đang sống chung với chị N. Quốc B có nguyện vọng sống chung với chị N; chị N và anh H thỏa thuận giao Quốc B và Trâm A cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; anh H có quyền, nghĩa vụ tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật, không ai được quyền cản

trở. Trường hợp chị N vi phạm nghĩa vụ nuôi con hoặc không còn đủ điều kiện nuôi con thì anh H có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[2] Về cấp dưỡng: Không ai yêu cầu.

[3] Về tài sản chung: Anh H và chị N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Anh H và chị N đều khai không có nợ chung.

[5] Về án phí sơ thẩm: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6, 26, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Các đương sự tự thỏa thuận được với nhau trước khi mở phiên tòa thì phải chịu 50% mức án phí: 300.000 đồng x 50% = 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng); các đương sự thỏa thuận chị N chịu toàn bộ án phí và được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 03150 ngày 03/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận, chị N được nhận lại 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Vĩnh Thuận;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thuận;
- UBND xã X;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Ngô Trường Hận